

C

SĐC

154

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ LỘC TẤN
HUYỆN LỘC NINH - TỈNH BÌNH PHƯỚC



Lịch sử **XÃ LỘC TẤN** (1930 - 2006)



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ LỘC TẤN
HUYỆN LỘC NINH - TỈNH BÌNH PHƯỚC



LỜI NÓI ĐẦU

LỊCH SỬ
XÃ LỘC TẤN
(1930 - 2006)

THƯ VIỆN TỈNH
BÌNH PHƯỚC

ĐC / 154



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN:

Thường Vụ Huyện Ủy Lộc Ninh



TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Ban Tuyên Giáo Huyện Ủy Lộc Ninh
Đảng Ủy Xã Lộc Tấn Huyện Lộc Ninh



SƯU TẦM VÀ BIÊN SOẠN

Hà Minh Hồng (*Chủ Biên*)

Lưu Văn Quyết

Hà Kim Phương

Nguyễn Sinh Hương

Trần Thị Vui

Lê Thụy Hồng Yến

Nguyễn Thị Nga

LỜI NÓI ĐẦU

Cách đây 35 năm, trong khí thế tiến công của chiến dịch Nguyễn Huệ xuân hè 1972, Lộc Tấn cùng toàn huyện Lộc Ninh được giải phóng. Thắng lợi này góp phần đưa đến việc ký kết Hiệp định Paris, tạo bước ngoặt cho việc kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Trong kháng chiến chống Mỹ, Lộc Tấn cùng các xã của Lộc Ninh đã biến chiến trường vùng rừng núi biên cương này thành nơi gieo bao nỗi kinh hoàng, khủng khiếp đối với kẻ thù đi xâm lược. Từ sau giải phóng đến nay, Lộc Tấn và các xã bạn nơi đây tiếp tục vượt qua muôn vàn gian khó, xây dựng và bảo vệ vững chắc địa phương, đã và đang đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng.

Ghi nhận những đóng góp của Đảng bộ, quân và dân xã Lộc Tấn, Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Đó là niềm vinh dự lớn lao, được đổi bằng cả xương máu, mồ hôi và nước mắt trên mọi

trận tuyến của cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đồng bào Lộc Tấn.

*Truyền thống anh hùng trong đấu tranh cách mạng đã và đang được Đảng bộ, quân và dân xã Lộc Tấn phát huy phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, giáo dục cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau. Việc ghi lại quá trình lịch sử mảnh đất, con người Lộc Tấn, những chiến công và những thành tựu đạt được trong mấy chục năm qua là rất cần thiết. Được sự chỉ đạo của Thường vụ Huyện ủy Lộc Ninh, lãnh đạo xã Lộc Tấn tổ chức sưu tầm biên soạn cuốn **Lịch sử xã Lộc Tấn (1930-2006)**.*

Cuốn sách là kết quả của những cố gắng lớn của nhiều cơ quan ban ngành huyện Lộc Ninh và xã Lộc Tấn trong thời gian khá dài. Nhân đây, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí cách mạng lão thành, các nhân chứng lịch sử của huyện và xã trong các thời kỳ lịch sử đấu tranh cách mạng, đã giành nhiều tâm huyết và cung cấp tư liệu quý giá, xin cảm ơn toàn thể đồng chí đồng bào đã đóng góp cho sự nghiệp cách mạng ở địa phương suốt mấy chục năm qua. Cảm ơn sự giúp đỡ của khoa Lịch sử – trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, đã sưu tầm, biên soạn và cùng chúng tôi hoàn thành cuốn sách này.

Trải qua nhiều biến cố, nhân chứng lịch sử của các thời kỳ cách mạng còn lại rất ít. Nhóm biên soạn cũng đã cố gắng gập gờ, thu thập và đối chiếu tham khảo nhiều tài liệu. Nhưng chắc chắn công trình chưa đầy đủ và còn nhiều khiếm khuyết. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân thành của các đồng chí và các bạn đọc.

Lộc Tấn, tháng 12 năm 2007
BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY
XÃ LỘC TẤN

Bản đồ hành chính xã Lộc Tấn

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019
XÃ LỘC TẤN

Mở đầu

ĐẤT VÀ NGƯỜI LỘC TẤN

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

Lộc Tấn là 1 trong 15 xã, thị trấn của huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước - một xã miền núi, nằm ở vị trí cao nhất của huyện Lộc Ninh, có đường biên giới tiếp giáp với Vương quốc Campuchia khoảng 10km về hướng Tây Bắc.

Nằm cách thị trấn Lộc Ninh - trung tâm huyện về phía Bắc 05km, Lộc Tấn có ranh giới phía Nam giáp xã Lộc Thiện; phía Đông giáp xã Lộc Hòa, Lộc An; phía Đông Nam giáp xã Lộc Thuận; phía Bắc giáp xã Lộc Thạnh.

Về giao thông, các trục lộ đi qua xã chủ yếu nằm ở khu vực phía đông gồm quốc lộ 13, 14A, là hai quốc lộ có vai trò huyết mạch ở hướng Tây Nam của Tổ quốc, đồng thời nối liền trung tâm kinh tế lớn nhất phía Nam - thành phố Hồ Chí Minh với Vương quốc Campuchia. Quốc lộ 14A trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là con

đường tiếp nối với đoạn cuối cùng của đường Trường Sơn lịch sử - nơi những đoàn quân và những chuyến hàng tiếp tế đi qua để phục vụ cho chiến dịch Hồ Chí Minh. Hiện nay, quốc lộ 13, đoạn qua xã, đang trong giai đoạn giải tỏa, mở rộng trở thành xa lộ với nhiều làn xe chạy với chiều rộng gần 40m (hiện tại, đã trải nhựa theo chiều rộng được 15m, 15m sỏi và 7m đường đang phóng). Đây là con đường mang ý nghĩa quan trọng tác động rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ngoài hai trục quốc lộ, trong xã còn có hệ thống đường giao thông nông thôn và hệ thống giao thông nông trường cao su, tạo thành một hệ thống thuận lợi cho nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân địa phương. Tuy nhiên, ngoài các đoạn quốc lộ, các con đường này chủ yếu là đường đất, chỉ có đường liên xã (ở làng 7) và đường vào các lô cao su được trải nhựa.

Lộc Tấn có diện tích đất tự nhiên 13.429 ha⁽¹⁾. Hầu hết, đất đai ở đây thuộc các loại đất đỏ bazan, đất Feranit nâu vàng, đất xám, đất pha cát... thích hợp cho nhiều loại cây công nghiệp và cây đặc sản.

Phần lớn diện tích sử dụng trồng trọt, trong đó trồng cây cao su và cây đặc sản là chủ yếu; số còn lại là đất rừng. Rừng là nguồn lợi thiên nhiên lớn nhất của Lộc Tấn. Phía đông ấp 5A có khu rừng Cẩm khá rộng, trong đó có nhiều lâm thổ sản quý như cẩm lai, cẩm xe, mây, tre, nứa...

Lộc Tấn có khí hậu nóng ẩm gió mùa, đồng thời cũng mang những nét đặc trưng của khí hậu vùng trung du - bán sơn địa của miền Đông Nam Bộ. Mỗi năm có

(1) Phòng Thống kê, Niên giám thống kê huyện Lộc Ninh, năm 2006.

hai mùa, mùa khô từ tháng 10 đến tháng 3 âm lịch và mùa mưa bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 9 âm lịch. Mức chênh lệch nhiệt độ trong cùng một ngày là 5 đến 10 độ, lớn nhất là những tháng đầu năm như tháng 3 hoặc tháng 2 âm lịch.

Lượng mưa tương đối cao, nhưng do địa hình đồi dốc, đất đai ít giữ nước nên dễ gây ra tình trạng ngập úng tức thời khi mưa nhiều, mùa khô lại thiếu nước trầm trọng. Nước trong sinh hoạt ở địa phương vẫn thiếu thường xuyên.

Sông hồ ở Lộc Tấn cũng không nhiều. Sông Đứng thuộc ấp Thanh Tây, là một nhánh của sông Sài Gòn, cung cấp nước cho sản xuất, trước hết là khu vực kinh tế mới. Hồ nhân tạo ở rừng Cấm là công trình thủy lợi quan trọng, xây dựng năm 2002 và hoàn thành năm 2004 với diện tích hơn 60ha, cung cấp nước cho sản xuất.

II. ĐIỀU KIỆN XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Từ rất lâu đời, trên địa bàn Lộc Tấn ngày nay đã có dấu vết con người cư trú, có thể có niên đại tương ứng với thời kỳ phát triển của văn hóa Đông Sơn (cách ngày nay hơn 2700 năm). Các nhà khảo cổ đã tìm thấy Trống đồng tại ấp 5B (năm 1992) và những “thành tròn” còn dấu tích ở ấp K57, ấp 1B. Đây có thể là khu vực cư trú tạm thời của các đoàn săn bắn tập thể ở miền Đông Nam bộ vào thời kỳ đồ đá chuyển sang đồ đồng trên dưới 2000 năm. Chứng tỏ điều kiện tự nhiên của Lộc Tấn từ xa xưa đã rất thích hợp cho con người cư trú.

Nhưng suốt một thời kỳ dài tiếp theo, người ta không biết gì thêm về văn hóa cũng như sự tồn tại của những

lớp người đầu tiên này. Cho đến khi thực dân Pháp xâm lược (nửa cuối thế kỷ XIX), nơi đây vẫn còn là vùng rừng núi hoang vu, chỉ có một vài phum sóc nhỏ của người S'tiêng.

Năm 1856, một linh mục người Pháp đã đặt chân lên Phước Long, Lộc Ninh để tìm hiểu đời sống đồng bào các dân tộc và nguồn lợi thiên nhiên. Năm 1862, sau khi chiếm được 3 tỉnh miền Đông, thực dân Pháp đã bắt đầu khai thác vùng đất đai phì nhiêu này. Năm 1882, toàn quyền Pháp cho quân lên bình định vùng Phước Long - Lộc Ninh - Bù Đốp. Năm 1890 Pháp thực sự đặt được nền đô hộ ở đây với tòa đại lý ở Hớn Quản. Từ đó, mảnh đất Lộc Ninh trong đó có Lộc Tấn bắt đầu có những thay đổi về mọi mặt. Đời sống đồng bào các dân tộc bị xáo trộn. Nhà cửa, buôn sóc, đất rẫy bị cướp, trai tráng phải nai lưng làm công không đi khai phá rừng, xây đồn, làm đường cho giặc.

Lao động nặng nhọc, ốm đau, chết chóc vẫn chưa đủ, đồng bào còn phải chịu đựng những thứ thuế vô lí như thuế thân, thuế rẫy, thuế rừng. Khi bọn thực dân Pháp lập đồn điền trồng cao su, đồng bào các dân tộc là những người đầu tiên phải đi khai phá rừng, cuốc đất trồng cây, chịu đòn roi của chủ đồn điền Pháp.

Từ năm 1914 trở đi, nhân lực ở địa phương không còn đủ sức phục vụ cho sự phát triển hàng loạt đồn điền cao su. Để giải quyết tình trạng thiếu nhân công, các chủ đồn điền Pháp cho mộ phu từ miền Bắc, miền Trung vào miền Đông Nam Bộ. Những người nông dân này đã bị tước đến mảnh ruộng cấy dùi, chỉ còn lại hai bàn tay trắng, phải từ bỏ xóm làng để tìm nơi làm ăn sinh sống.

Người nông dân phải đến sở tiếp nhận công nhân của thực dân Pháp để đăng thu (nhân dân vẫn hay gọi theo tiếng Pháp là “công-tra” có nghĩa là giao kèo hay hợp đồng). Hợp đồng trong thời hạn 3 năm, nhưng thực chất bán thân vô thời hạn. Sau khi đăng thu, họ được trả một khoản tiền chỉ đủ để đóng thuế thân hoặc để kéo dài thêm cuộc sống cùng cực.

Những năm đầu thế kỷ 20, Pháp đưa hàng vạn nông dân ở đồng bằng Bắc Bộ vào làm phu các đồn điền trồng cao su. Cũng từ đó vùng đất này ngày càng được bổ sung nhiều thành phần, tầng lớp dân cư, chủ yếu là dân lao động. Từ năm 1923 Lộc Tấn đã có 4 sở phu đồn điền trong tổng số 11 sở của Pháp ở Lộc Ninh. Phần lớn là dân ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ như Hà Nam, Nam Định, Thái Bình theo chế độ “công-tra” của Pháp.

Để thực hiện chính sách cai trị của mình, người Pháp đứng ra trực tiếp xây dựng và quản lí các đồn điền cao su, giúp việc là các sếp Cô măng, các ông xu, ông đội là người Việt. Thực dân Pháp chia khu vực này ra thành 10 làng, theo đó, Lộc Tấn là làng 5, tiếng Pháp gọi là Xanh Dem. Trước giải phóng, dân sống tập trung ở các làng 1, 2, 3, 5, 7, 9, 10, còn các làng 4, 6, 8 hầu như không có dân. Trong đó làng 5 là làng trung tâm. Khu vực làng 6 ngày xưa, nay được gọi là ấp 6 B, còn làng 5 cũ bây giờ là ấp 5A. Vùng đất này trước kia Pháp cho xây dựng một số công trình như bệnh viện, nhà thờ, rạp hát, nhà chùa, trường học,... trong vòng bán kính 3 cây số vào khoảng những năm 1935-1937. Nhưng sau một thời gian, khi công ty cao su phát triển, hệ thống nước ở đây quá khan hiếm, không đủ đáp ứng cho nhu

cầu tươi tiêu và sinh hoạt nên Pháp đã dời trung tâm về thị trấn Lộc Ninh ngày nay.

Dưới chế độ phong kiến thực dân và đế quốc, đời sống của đồng bào vô cùng khó khăn, một bộ phận con em đồng bào phải vào các đồn điền làm “công-tra”, chịu sự bóc lột, đánh đập tàn nhẫn của chủ Tây. Không chịu khuất phục, từng bộ phận đồng bào đã đứng lên đấu tranh dưới sự lãnh đạo của các thủ lĩnh dân tộc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (năm 1930), đồng bào S'tiêng đã sớm đi theo Đảng, theo Bác Hồ, làm cách mạng.

Về hành chính, địa bàn Lộc Tấn - Lộc Ninh nói chung là vùng đất thuộc xã Tân Lập Phú - quận Hớn Quản, tỉnh Thủ Dầu Một (Bình Dương). Từ đó đến hết thời thuộc Pháp, bộ máy quản lý hành chính cơ bản không thay đổi.

Địa danh Lộc Tấn được chính thức sử dụng, có thể từ những năm giữa thập kỷ 1950-1960 (sau Hiệp định Genève, thời Ngô Đình Diệm bắt đầu thiết lập hệ thống quản lý hành chính). Ban đầu địa giới chia nhỏ, chỉ gồm 4 ấp thuộc địa bàn ấp 5A hiện nay, có số dân cư trên dưới 1.000 khẩu. Sau đó diễn ra quá trình tách nhập với xã Lộc Thạch cũ (khu vực làng 9 làng 7 hiện nay) để xây dựng xã Nông trường vào những năm 1980-1981. Sự thay đổi địa giới hành chính tiếp tục khi ấp 8 được chia về cho xã Lộc Hòa và Lộc Tấn nhập thêm các ấp 1B, 4B, 12 Lộc Thắng cũ vào năm 1994.

Trước tháng 7/2005, khi Lộc Thạnh chưa tách ra thành một đơn vị hành chính độc lập, Lộc Tấn là xã có

địa bàn rộng và dân cư đông nhất huyện. Đến năm 2005, dù đã tách một phần đất để thành lập xã Lộc Thạnh, nhưng Lộc Tấn vẫn là một xã lớn nhất, nhì huyện cả về dân số lẫn địa bàn quản lý. Hiện Lộc Tấn có 15 ấp⁽¹⁾ trong đó ấp 5B là ấp rộng nhất, đông dân nhất xã.

Như vậy, từ cuối thế kỉ XIX cho đến nay, Lộc Tấn có những thay đổi sâu sắc về địa giới hành chính lẫn thành phần dân cư. Các dân tộc và thành phần rất khác nhau của nhân dân xã Lộc Tấn đã trực tiếp nói lên sự hội nhập của nhiều nguồn di dân khác nhau trong lịch sử hình thành cư dân của vùng đất này, tạo nên một sự đa dạng trong bản sắc văn hóa lẫn đời sống tâm linh.

Tính đến năm 2006, toàn xã Lộc Tấn có tổng dân số 2.335 hộ, 9.901 khẩu. Trong đó: người Kinh có 2.062 hộ với 8.689 khẩu; người S'tiêng có 242 hộ, 1.095 khẩu; người Khmer có 2 hộ, 11 khẩu; người Nùng có 2 hộ, 3 khẩu; người Tày có 1 hộ, 2 khẩu; người Mường có 2 hộ, 24 khẩu; người Hoa có 23 hộ, 75 khẩu; người Thái có 1 hộ, 2 khẩu.

Đồng bào các dân tộc Tày, Mường, Hoa, Thái tập trung chủ yếu ở ấp Thạnh Đông, Thạnh Tây. Với những chủ trương chính sách nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Đảng – Nhà nước, trong những năm gần đây, đời sống của đồng bào ngày càng ổn định và khấm khá hơn.

(1) 15 ấp gồm: Bù Núi A, Bù Núi B, 5A, 5B, 5C, 6A, 6B, 4A, 4B, 1A, 1B, Thạnh Đông, Thạnh Tây, K57 và ấp Cây Chặt.

Người S'tiêng sống tập trung chủ yếu ở ấp Bù Núi A và Bù Núi B; trong các nhà sàn, thành từng sóc nhỏ có quan hệ huyết thống với nhau theo chế độ mẫu hệ. Đồng bào thường phát rẫy trồng bắp, củ mì, trồng bông, dệt vải, chăn nuôi và khai thác lâm thổ sản làm kế sinh nhai. Họ sống thật thà, chất phác, cần cù trong lao động và rất mực thủy chung. Được sự giúp đỡ của Đảng và các cấp chính quyền địa phương, đời sống của đồng bào ngày càng được cải thiện, tiện nghi sinh hoạt cũng đầy đủ hơn.

Trải qua nhiều thế kỷ cùng chung sống, cùng chống chọi với thiên tai địch họa, tinh thần đoàn kết, chung lưng đấu cật của cộng đồng dân cư Lộc Tấn ngày càng được cố kết. Tinh thần đó đã được minh chứng hùng hồn qua hai cuộc trường kỳ kháng chiến cứu nước, qua sự khó khăn gian khổ của thời kỳ bao cấp và đến nay lại đang phát huy sức mạnh trong công cuộc xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Cơ sở hạ tầng của xã hiện nay khá đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt, học tập, khám chữa bệnh và vui chơi giải trí của đồng bào. Lưới điện quốc gia được đưa về 15/15 ấp của xã, ở hai ấp đồng bào dân tộc thiểu số cũng có hơn 70% số hộ sử dụng điện.

Xã có 2 trường Tiểu học, 1 trường Trung học cơ sở và 2 trường Mầm non Hoa Hồng và Hoa Cúc được xây dựng khá khang trang; có 1 trạm y tế, cùng với bệnh viện của huyện đặt tại địa bàn xã đảm bảo tốt công tác y tế ở địa phương. Cơ sở vật chất cho công tác văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cũng đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt của nhân dân và yêu cầu chính trị của xã. Xã có nhà sàn

văn hóa làm nơi vui chơi, hội họp, sinh hoạt văn hóa truyền thống của đồng bào. Cơ sở sinh hoạt tôn giáo ở Lộc Tấn có chùa Linh Thông xây dựng năm 1937 với diện tích 997,3m²; chùa Linh Ứng xây dựng năm 1973 với diện tích 2.020m², chùa Linh Sơn xây dựng năm 1995 với diện tích 600m²; nhà thờ Lộc Tấn xây dựng năm 1933 với diện tích 3.908,7 m².

Với vị trí địa lý thuận lợi, cơ sở vật chất tương đối đầy đủ, Lộc Tấn hội đủ các điều kiện quan trọng để có thể phát triển nhanh và bền vững trong tương lai.

Trong chiến tranh, địa hình rừng núi của Lộc Tấn rất thuận lợi cho phát triển chiến tranh du kích. Vì vậy trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, các lực lượng cách mạng đã tận dụng vùng rừng núi rộng lớn và địa hình hiểm trở của Lộc Tấn để che giấu cán bộ và xây dựng lực lượng kháng chiến; cũng do vị trí giáp biên giới, nên việc phối hợp với lực lượng cách mạng nước bạn (Campuchia) cũng có nhiều thuận lợi.

Thời bình, địa hình rừng núi có gây nhiều khó khăn phức tạp trong phát triển kinh tế – xã hội, do diện tích đất canh tác có hạn, khó mở mang phát triển cơ sở hạ tầng...

Ngày nay, với vai trò là một xã biên giới, lại nằm trên đường Quốc lộ 13 – một trong những con đường huyết mạch của phía Nam, Lộc Tấn có một vị trí chiến lược rất quan trọng, đặc biệt là về vấn đề giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và an ninh biên giới quốc gia. Để bảo vệ an ninh vùng biên giới, Lộc Tấn có hai đồn biên phòng là đồn biên phòng 801 (ở cửa

khẩu Hoa Lư) và đồn biên phòng 803 (ở mũi Chiu Riu thuộc ấp Thanh Tây, do tỉnh đội biên phòng Bình Phước chốt giữ). Cửa khẩu Hoa Lư (năm 2006, trở thành cửa khẩu quốc tế), là cửa khẩu có vai trò to lớn trong việc phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng của địa phương cũng như huyện Lộc Ninh.

Lộc Tấn với tất cả sự kiên cường anh dũng luôn luôn là hậu cứ vững chắc của cách mạng. Những địa điểm rất bình thường ngày nay nhưng không ai quên được nơi ấy thời chiến tranh đã từng lưu dấu tích, thấm đẫm hơi thở của lịch sử, của truyền thống qua từng giai đoạn của cuộc kháng chiến: VK 98 ở cầu Bà Hành, xưởng in làng 4... là những nơi mà Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền chọn làm căn cứ. Bệnh viện Lộc Tấn từng có thời điểm sử dụng với danh nghĩa và quy mô là bệnh viện Bình Phước, nơi đây chứng kiến cuộc mít tinh gởi hàng trăm lá đơn kiến nghị phản đối Mỹ-ngụy vi phạm Hiệp định Paris nhân dịp phái đoàn quốc tế đến thăm hỏi những người dân thường bị thương do Mỹ-ngụy bắn phá, thả bom. Nhà hát Lộc Tấn - nơi đã đón nhận hàng trăm thi hài liệt sĩ về lau rửa trước khi an táng. Qua những đóng góp bền bỉ kiên cường của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Lộc Tấn đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ biên giới Tây Nam, Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân cho Đảng bộ và nhân dân xã Lộc Tấn (năm 1980). Truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất sẽ là những hành trang quý báu để các thế hệ con em Lộc Tấn tự tin bước vào kỷ nguyên mới.

Chương một

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG Ở LỘC TẤN TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN THÁNG TÁM 1945

I. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH YÊU NƯỚC CỦA ĐỒNG BÀO VÀ CÔNG NHÂN CAO SU

Ngay từ khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, đồng bào các dân tộc nơi đây đã anh dũng vùng lên đánh giặc, giữ buôn làng. Đầu tiên là cầm giáo, mác, gậy gộc theo nhà sư yêu nước Pô Cum Pô (người Khmer), rồi sau đó là liên minh Pô Cum Pô - Trương Quyền đánh Pháp dọc biên giới Việt Nam - Campuchia.

Ngay sau khi hoàn thành công cuộc xâm lược nước ta (năm 1884), thực dân Pháp nhanh chóng bắt tay vào việc bình định và thiết lập bộ máy cai trị ở nước ta. Đến đầu thế kỷ XX, bộ máy cai trị thực dân chính thức được thành lập ở vùng rừng núi Biên Hòa với sự ra đời của đồn binh Bù Đốp và các đại lý hành chính Hớn Quản, Bà Rá...

Mục đích Pháp đánh chiếm Việt Nam là muốn biến nước ta thành thuộc địa để khai thác sức người và của phục vụ cho chính quốc. Trong toàn bộ chính sách khai thác thuộc địa của mình, đặc biệt là trong công cuộc khai thác thuộc địa từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), thực dân Pháp chú trọng vào ngành nông nghiệp, nhất là vào cây cao su. Vì thế, ngay từ năm 1888, toàn quyền Đông Dương đã ra nghị định cho phép bọn địa chủ thực dân lập các đồn điền ở những vùng mà chúng gọi là “đất vô chủ”. Hệ quả của nghị định này là đồng bào các dân tộc bị chiếm những mảnh đất màu mỡ, phải lùi vào tận rừng sâu và xuất hiện ngày càng nhiều đồn điền rộng lớn cùng sự ra đời của các công ty cao su.

Từ năm 1912, dưới ngọn cờ của thủ lĩnh N’Trang Lớn, đồng bào các dân tộc ít người đã cùng nhau đứng lên chống kẻ thù với mọi thứ vũ khí có trong tay. Việc diệt được tên Henry-Mettre và diệt đồn Bu-mê-ra của nghĩa quân N’Trang Lớn vào năm 1914 đã gây được tiếng vang lớn, thúc đẩy phong trào đấu tranh của nhân dân khắp vùng. Đồng bào ở các khu vực Lộc Tấn - Lộc Ninh đã bám trụ chống lại chính sách cai trị và hành động tàn ác của kẻ thù, nhất là khi chúng mở đường số 14 và mở rộng các đồn điền, lập thêm những đồn bót.

Những năm 1924-1925, tên đại úy Gatille được thực dân Pháp đưa lên làm Quản đạo đầu tiên ở khu vực Bù Đốp và vùng tiếp giáp với biên giới Campuchia. Dưới chính sách cai trị vô cùng tàn bạo của tên Gatille, ngọn lửa đấu tranh của đồng bào các dân tộc ít người sau một thời gian tạm lắng nay lại thổi bùng lên.

Trong những năm 20 của thế kỷ XX, nhiều gương thủ lĩnh của đồng bào các dân tộc ít người lại xuất hiện. Đó là các ông: R'Đing, Điểu Son, Điểu Môn, Điểu Sung, Điểu Mốt, Điểu Giang... Bằng quyết tâm, sự kiên trì và trí thông minh của mình, các ông đã tổ chức mai phục và giết được nhiều tên ác ôn khét tiếng.

Những cuộc đấu tranh của các đồng bào dân tộc ít người mang tính tự phát, lẻ tẻ, thiếu sự chuẩn bị chu đáo về kế hoạch chiến đấu, phối hợp hành động và bảo tồn lực lượng... nên trước sức mạnh của vũ khí hiện đại, cùng lối đánh chính quy của thực dân Pháp đã nhanh chóng gặp thất bại. Sự thất bại của các cuộc đấu tranh này còn do nguyên nhân khác nữa - đó là sự đàn áp, khủng bố dã man của thực dân Pháp cũng như những thủ đoạn lừa bịp, mị dân của chúng.

Bên cạnh việc thực hiện chính sách ngu dân, thực dân Pháp còn triệt để lợi dụng các tệ nạn mê tín dị đoan, sử dụng bọn tay chân đặc lực để cai trị, trấn áp đồng bào. Kích động sự thù hằn giữa đồng bào các dân tộc với người Kinh để gây chia rẽ và tiêu diệt lẫn nhau trong hàng ngũ nghĩa quân chống Pháp cũng là một chiêu bài được thực dân Pháp sử dụng ráo riết.

Từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, vấn đề cao su trở thành “cơn sốt”. Chỉ tính riêng 3 tỉnh miền Đông Nam Bộ, vốn đầu tư trồng cao su năm 1919 đã tăng lên 40 triệu frăng so với 16 triệu frăng năm 1909. Nếu như năm 1924 ở 3 tỉnh miền Đông Nam Bộ chỉ mới trồng được 15.000 ha cao su thì đến năm 1929 đã tăng

lên 90.225 ha; năm 1915 chỉ lấy được 3.519 tấn mủ, còn vào năm 1929 lấy được đến 10.309 tấn mủ⁽¹⁾.

Tại Thủ Dầu Một lúc bấy giờ có 3 công ty cao su lớn là Terres rouges, Cexo, Michelin. Công ty Cexo (Société des Caoutchoues d'Extrêmeorient) được thành lập từ năm 1911, do tên tư bản Pháp Đờ-la-lăng làm chủ. Từ năm 1911 trở đi, lập các Phòng mộ phu đặt ở các tỉnh Thái Bình, Lạng Sơn và Hải Phòng. Do có nhiều tay sai đắc lực ở miền Bắc gồm những tri phủ, tri huyện giúp việc, nên chúng mộ phu một cách khá dễ dàng. Chỉ tính từ năm 1925 đến năm 1954 chúng đã mộ được tới 218.000 người. Số công-tra (contract) bỏ về xứ chiếm 5%. Trong quá trình phát triển, công ty Cexo đã hình thành hai đồn điền cao su lớn là Lộc Ninh và Đa-kia⁽²⁾. Dưới thời Pháp thuộc, dân số ở Lộc Tấn có khoảng 1.000 người và Lộc Tấn được gọi là Làng 5 (Xanhdem – Cinquieme).

Để có được nhiều công nhân, thực dân Pháp không từ một thủ đoạn nào. Trong một báo cáo mật gửi Toàn quyền Đông Dương, Desrousseaux đã viết: “Người nông dân chỉ bằng lòng rời khỏi làng, làm việc khi nào họ bị đói. Do đó phải đi đến kết luận lạ lùng là phương thuốc chữa cái khốn bách hiện tại (thiếu công nhân) là phải bản cùng hóa nông thôn, rút bỏ những khoản cấp phát, hạ giá nông sản”⁽³⁾. Vì vậy, tư bản thực dân Pháp đã

(1) Ban chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam – huyện Lộc Ninh: *Lộc Ninh lịch sử và truyền thống*, 1987, tr. 20.

(2) Thành Nam – Phương Đình: *Phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân cao su miền Đông Nam Bộ*, NXB. Lao Động, Hà Nội, 1982, tr.13.

(3) Lê Huỳnh Hoa: *Cây cao su đặc sản của vùng Đông Nam Bộ*, Tạp chí Xưa và Nay, số 45B tháng 11/1997, tr. 21.

dựa vào chính quyền thống trị ở trung ương, địa phương và kết hợp chặt chẽ với số địa chủ cường hào trong việc chiếm ruộng đất, cưỡng bức, tuyển mộ, chiêu dụ, lừa mỵ lao động tại chỗ và các nơi về đồn điền khai phá, trồng và khai thác cao su. Ngoài ra, bọn chúng còn dùng các cố đạo làm cái loa tuyên truyền cho việc chiêu mộ.

Cùng với quá trình thành lập các đồn điền cao su và đội ngũ công nhân cao su hình thành, bộ máy cai trị và thủ đoạn kìm kẹp của tư bản thực dân Pháp cũng được hình thành và có hiệu lực.

Ở đồn điền cao su Lộc Tấn – Lộc Ninh cũng như ở các đồn điền cao su miền Đông Nam bộ nói chung đều phân chia công việc theo 4 hạng người như sau:

Hạng chủ sếp: gồm chủ chánh (chủ nhất), các chủ phó và xu-vây-dăng xếp, toàn là người Pháp. Số này được tuyển lựa từ quân đội Pháp. Chủ chánh là người có uy quyền và quyền lợi cao nhất trong đồn điền, có quyền sinh sát đối với công nhân và thưởng phạt cấp dưới quyền. Các chủ phó và xu-vây-dăng giúp chủ chánh điều hành quản lý sản xuất tại các phân sở của đồn điền. Chúng có nhiều đặc quyền đặc lợi, nắm quyền quản lý mọi mặt trực tiếp ở đồn điền.

Hạng thầy: gồm Xu, ký, cai người Việt. Số này chiếm tỷ lệ 5% trong tổng số công nhân đồn điền. Số xu, cai là những người trực tiếp điều hành quản lý sản xuất, chỉ huy các kíp công nhân. Riêng số văn thư có chút ít học hành và chuyên môn thì làm việc ở các văn phòng đồn điền. Phần lớn xu, cai, ký là những người biết chuyên môn và có học, có năng lực điều hành quản lý, được chủ

Tây ưu đãi. Bên cạnh những xu, cai là những tay sai đắc lực chuyên trấn áp, bóc lột công nhân. Số còn lại trong hai loại này là những người lao động bình thường làm công ăn lương, mức sống không cao hơn công nhân.

Hạng thợ: gồm những người có trình độ chuyên môn kĩ thuật làm việc ở đồn điền như: thợ cơ khí, thợ điện, thợ mộc, thợ nề, công nhân hóa chất, tài xế... Số này chiếm khoảng 5-10% trong tổng số công nhân. Họ là những người lao động chuyên môn, mức lương cao hơn những người công nhân cạo mủ chút ít, điều kiện lao động có phần phần ổn định và đỡ vất vả cực nhọc hơn. Công nhân trong các nhà máy, các lò sơ chế mủ cũng được xếp vào hạng này.

Hạng phu: là những người trực tiếp khai phá đất đai, trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su, gồm có: công nhân cạo mủ, công nhân thời vụ và công nhân làm những việc linh tinh khác. Số này chiếm 80-85% trong tổng số công nhân đồn điền. Công nhân cạo mủ chiếm tỷ lệ ngày càng cao khi mà diện tích cao su cần được khai thác ngày càng nhiều⁽¹⁾.

Trong đồn điền ở Lộc Tấn, tư bản Pháp quy định mỗi kíp sản xuất có 12 công nhân⁽²⁾, do một cai trông coi. Mỗi tên xu-vây-dăng coi 3 kíp sản xuất. 3 kíp sản xuất được phiên chế thành 1 đội sản xuất. Mỗi tên xu-vây-dăng sắp chỉ huy 3 tên xu-vây-dăng. Trong một đồn

(1) Nguyễn Thị Mộng Tuyền: *Phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một trong kháng chiến chống thực dân Pháp*, NXB. Lao Động, 2003, tr.33-34.

(2) Có tài liệu cho rằng mỗi kíp sản xuất có 10 công nhân, có nhân chứng khác (Phạm Lương Bính) lại cho rằng có 20 - 30 công nhân/kíp sản xuất?

điền có nhiều xu-vây-dăng sếp và những tên này chịu mọi sự điều khiển của chủ nhất⁽¹⁾. Công nhân cạo mủ là thành phần đông đảo nhất trong một đồn điền, họ đóng vai trò quan trọng nhất trong sản xuất cao su, nhưng lại là đối tượng bị bóc lột, bị đối xử tàn tệ nhất.

Theo những điều 5, 7, 8 của Nghị định ngày 25/10/1927, công nhân giao kèo (phu đồn điền) làm việc tối đa 10 tiếng đồng hồ/ngày, kể cả thời gian đi về. Mỗi tuần được nghỉ 1 ngày hay 2 tuần được nghỉ 2 ngày liền, Tết được nghỉ 4 ngày, ngày mừng 5 tháng 5 và rằm tháng 7 cũng được nghỉ. Chủ phải đảm bảo cho công nhân được trả lương tối thiểu 25 ngày công/tháng. Phụ nữ sau khi đẻ được nghỉ 1 tháng có ăn lương. Thế nhưng trên thực tế thì người công nhân phải làm việc hơn 10 tiếng đồng hồ/ngày và các ngày nghỉ như quy định cũng không được thực hiện tốt⁽²⁾. Sự cực nhọc trong lao động của người phu cao su không chỉ thể hiện trong số giờ lao động kéo dài, mà còn thể hiện trong cường độ lao động đặc biệt căng thẳng và những khó khăn nguy hiểm mà họ thường gặp trong quá trình làm việc.

Một ngày làm việc của công nhân cao su được mô tả như sau: *“Ba giờ rưỡi sáng, tiếng kèng (thường gọi là “tiếng tầm”) thứ nhất nổi lên. Nghe kèng, người công nhân cạo mủ vội vàng bật dậy nấu cơm để kịp ăn vội vài miếng và mang theo để ăn trưa, chuẩn bị phương tiện làm việc: thùng đựng mủ, dao cạo, giỏ đựng mủ*

(1) Công đoàn Cao su Việt Nam: *Lịch sử phong trào công nhân cao su Việt Nam (1906 - 1990)*, NXB. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 1993, tr. 22.

(2) Công đoàn Cao su Việt Nam, sđd, tr. 24-25.

bèo, muỗi dăm và tầm hai lúc bốn giờ ba mươi, phải có mặt tại sân điểm danh” và “mỗi ngày công nhân phải quần quật tới 12 tiếng đồng hồ. Làm xong về đến nhà thì trời vừa tối. Có hôm 8-9 giờ đêm họ mới về được đến nhà”⁽¹⁾. Không những thế, nếu họ được nghỉ thì “phải nghỉ luân phiên vì phải bảo đảm cho cây cao su được cạo thường xuyên. Ngày nghỉ thì lại không có lương”⁽²⁾.

Ngoài giờ lao động chính ra, người công nhân cao su phải làm thêm các công việc khác như dọn cỏ, bón phân, đắp đê...

Về tiền lương, theo quy định thì người phu chỉ được 3 hào 5 xu/ngày⁽³⁾, người cai thì được 5 - 6 hào/ngày.

Về vấn đề ở, công nhân đồn điền cao su ở trong những căn nhà lụp xụp, rộng khoảng 24 m² với 6 người ở. Nhà không được đắp nền, giường ngủ bằng tre, bương ghép lại. Mỗi giường 3 người ngủ, thậm chí có khi 5 người ngủ. Về sau, trước sự đấu tranh của công nhân, bọn chủ đồn điền đã phân cho hai hoặc ba gia đình ở một gian nhà lợp tôn, nhưng vẫn chật hẹp, ẩm thấp, không có rãnh thoát nước nên ruồi nhặng nhiều vô kể. “Mưa thì dột, nắng thì chói chang”⁽⁴⁾... Ngoài ra, công

(1) Nguyễn Thị Mộng Tuyền: *Phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một trong kháng chiến chống thực dân Pháp*, NXB. Lao Động, 2003, tr. 40-41.

(2) Huỳnh Lứa (cb): *Truyền thống đấu tranh cách mạng của quân và dân huyện Bình Long*, NXB. Tổng Hợp Sông Bé, 1988, tr. 34.

(3) Theo tài liệu Lịch sử xã Lộc Tấn anh hùng (dự thảo) năm 1991, tr. 7 thì cho rằng tiền lương của người phu ở Lộc Tấn là 3 hào 2 xu/ngày?

(4) Thành tích đấu tranh của công nhân cao su và tình hình công nhân Nam Bộ, 1946, Tài liệu viết tay 35 trang, lưu tại Phòng Khoa học – Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, tr. 5.

nhân đồn điền cao su ở đây còn bị thiếu nước giống như người miền ngược thiếu muối. Chính nhà báo người Pháp Đờ-la-ma (Delamarre) đã viết rằng: *“Các phu đều nhất trí than phiền là thiếu nước. Tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy trước mỗi lán trại lớn trong số 10 lán trại chỉ có mỗi một thùng nước ăn nhỏ... Vì thiếu nước nên các phu đều bẩn... rất nhiều người bị ghẻ lở và rận chấy đầy người. Ngoài ra, những trường hợp kiết lỵ mà tôi thấy cho phép tôi tự hỏi phải chăng nước suối ở phía dưới lán trại không được bảo quản để bị ô nhiễm”*⁽¹⁾.

Về chế độ ăn uống, theo quy định của Nghị định ngày 25/10/1927, mỗi công nhân đồn điền cao su hàng ngày phải được đảm bảo một khẩu phần là 3.200 calo, gồm có: gạo 700 gram, thịt tươi hay thịt hộp 200 gram (nếu cá thì 400 gram), rau tươi 300 gram, mỡ 200 gram, muối 200 gram, trà 5 gram, nước mắm 15 gram. Trẻ con dưới 14 tuổi cũng được lãnh khẩu phần như vậy, nhưng chỉ bằng một nửa về số lượng. Tuy nhiên trên thực tế thì lại khác hẳn. Công nhân đồn điền cao su ở Lộc Tấn mỗi ngày chỉ được phát 400 gram gạo, 200 gram cá, nhưng hầu hết là gạo mục và cá thối (thực phẩm dự trữ để quá lâu ngày trong kho). Chính cảnh ăn uống như thế nên mới có bài ca dao sau:

*“Ai về đất đỏ miền Đông,
Mà nghe lao động đồn điền thở than.*

(1) Công đoàn Cao su Việt Nam: *Lịch sử phong trào công nhân cao su Việt Nam (1906 - 1990)*, NXB. Trẻ, TP.Hồ Chí Minh, 1993, tr. 30. Nguyễn Thị Mộng Tuyền: *Phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một trong kháng chiến chống thực dân Pháp*, NXB. Lao Động, 2003, tr. 38-39.

*Than rằng: Cực lắm trời ơi!
Dân phu phải sống cuộc đời tối tăm.
Cá hoi, gạo mục quanh năm,
Vẫn chưa đầy bụng, đói nằm rừng cây.
Trời cao, cao mấy tầng mây,
Trời cao có thấu nỗi này cho chăng?”*

Đâu chỉ có thế, bọn chủ đồn điền còn đặt ra một loạt những tội trạng để đánh đập hoặc cúp, trừ lương công nhân. Có thể kể ra các “tội” dưới đây:

Vào hàng chậm và ngồi không đúng kích thước: đánh!

Bất kiêng lệch và không đúng kích thước: đánh!

Đặt bát hứng mủ hơi nghiêng, không kịp lau kỹ bên trong và bên ngoài: đánh!

Cạo không ngay, miệng cạo không thẳng: đánh!

Cạo không đúng quy định về độ sâu (một mi-li-mét): đánh!

Cạo dày hơn 1 mi-li-mét: đánh!

Cạo phạm vào xương cây: đánh!

Để mủ rơi xuống đất vài giọt mà không vét lên hết: đánh!

Trời mưa để mủ tràn dính thân cây mà không gỡ kịp: đánh!

Không làm hết phần cây khoán trong ngày: đánh!

Dao cạo không sắc: đánh!

Bệnh chưa liệt giường mà không đi làm: đánh!

Không có đủ số mũ quy định: bị “cúp” tiền công và đánh!

Không biết “đi lại” và “phải quấy” với cấp trên: bị kiểm chuyện và đánh!

Có vợ xinh trông dễ coi mà không “cống nạp” cho chúng, người chồng không những bị đánh đòn mà còn có thể bị giết!

Để gốc cây bản: đánh!⁽¹⁾

Trong tất cả các hình phạt kể trên thì hình phạt đối với việc “cạo phạm” là nặng nhất. Thậm chí chúng bắt người công nhân “cạo phạm” nằm xuống bên gốc cao su đánh, rồi lấy mũ cao su dội lên đầu. Muốn gỡ được mũ thì người công nhân ấy phải bôi dầu hôi lên đầu, gỡ lần từng mảng mũ và khi gỡ hết mũ thì da đầu cũng tróc hết, đầu đỏ ối như bị bỏng.

Người công nhân đồn điền cao su có thể bị đánh ở bất cứ nơi đâu, nhất là ở ngoài lô. Có khi, tên sếp giao cho cai một số roi để ra lô “trông coi” công nhân làm việc. Nếu sau một ngày, roi không bị dập nát, oằn cong thì hôm đó tên cai sẽ bị đánh thế mạng. Chính vì vậy mà trong công nhân mới truyền tụng câu: “Sếp đánh cai, cai nhai chết công nhân”.

Lao động cực nhọc, ăn uống thiếu thốn, điều kiện ăn ở không đảm bảo vệ sinh, luôn bị đánh đập... là nguồn gốc gây ra đủ thứ bệnh cho người công nhân. Thế nhưng,

(1) Số tội và tên tội danh có sự khác nhau giữa các tài liệu.

người công nhân bị bệnh cũng chưa chắc đã được yên thân vì đa số chủ đồn điền đều cho rằng các phu lười biếng, kiếm cớ để được nghỉ làm. Tại bệnh viện, có lúc người công nhân bị bệnh còn bị “kiểm tra” bệnh thật hay giả bằng đòn roi...

Chính vì bị bóc lột thậm tệ và bị ngược đãi như vậy nên rất nhiều người phu đã phải vùi xác dưới gốc cao su. Có người đi tìm “sự giải thoát” bằng cách tự tử, số khác lại bỏ trốn hoặc cố tình lãng công, làm đổ thùng đựng mủ cao su... Đáng kể nhất là cuộc biểu tình của công nhân Làng 5 vào ngày 8/4/1928 đòi chủ đồn điền phải giải quyết một số vấn đề dân sinh, dân chủ như: không được cúp phạt và đánh đập công nhân, phải cải thiện bữa ăn cho công nhân... Cuộc biểu tình đã thu hút khoảng 100 người tham gia. Thế nhưng, cuộc đấu tranh này đã không giành được thắng lợi do bị chủ đồn điền huy động lực lượng đến đàn áp.

Rõ ràng, đồn điền cao su ở Lộc Tấn cũng như các đồn điền cao su khác dưới thời thuộc Pháp là “địa ngục trần gian” và cuộc sống của người công nhân đồn điền cao su khác nào cuộc sống của người nô lệ. Sự bùng nổ phong trào đấu tranh yêu nước của công nhân đồn điền cao su ở Lộc Tấn cũng là tất yếu.

Tuy nhiên, do còn mang tính tự phát, công nhân cao su nói chung, công nhân ở Lộc Tấn nói riêng đòi hỏi phải có sự lãnh đạo kịp thời của một chính đảng vô sản để phong trào yêu nước, đấu tranh ở đây được phát triển đúng hướng.

II. CÔNG NHÂN VÀ ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC CHUYỂN DẦN SANG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

Vào năm 1927, kỳ bộ hội Việt Nam cách mạng Thanh niên Nam Kỳ ra đời ở Sài Gòn. Cuối năm 1928, kỳ bộ Nam Kỳ thực hiện chủ trương “vô sản hóa”, các hội viên của Hội đã tiến hành tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin và lập trường giai cấp công nhân cho các công nhân làm việc trong những đồn điền.

Từ phong trào “Vô sản hóa” vào cuối năm 1928, hạt giống cách mạng đã được gieo trồng ở Lộc Tấn. Đó là một trong những điều kiện tiên quyết cho sự thắng lợi các phong trào đấu tranh của nhân dân Lộc Tấn trong thời gian tiếp theo.

Cuối năm 1929, chi bộ Đảng đầu tiên ở vùng cao su được thành lập ở Phú Riềng. Sau ngày thành lập, đồng chí Châu Văn Liêm lãnh đạo chi bộ đã phát động 5.000 công nhân đồn điền Phú Riềng nổi dậy đấu tranh với bọn chủ. “Trong các cuộc đấu tranh của quần chúng lúc này, cuộc bãi công của công nhân Phú Riềng là lớn nhất, có tiếng vang trong cả nước”⁽¹⁾. Sự kiện “Phú Riềng đỏ” đã trở thành đỉnh cao của phong trào đấu tranh công nhân và làm rung chuyển cả hệ thống địa ngục cao su Đông Dương, làm chấn động dư luận báo chí trong nước và nước Pháp. Cuộc đấu tranh này đã có ảnh hưởng trực tiếp tới nhân dân và công nhân đồn điền cao su ở Lộc Tấn cũng như các vùng lân cận.

(1) Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (sơ thảo), tập 1, tr. 114.

Nhân ngày Quốc tế lao động 1/5/1930, cuộc biểu tình của gần 5.000 công nhân cao su Dầu Tiếng đã buộc bọn chủ tư bản Pháp phải hứa ban hành một số biện pháp nhằm cải thiện đời sống của công nhân. Tuy nhiên, trên thực tế bọn chủ tư bản vẫn tìm mọi cách thủ tiêu thành quả cách mạng ấy của công nhân cao su Dầu Tiếng. Do vậy công nhân cao su Dầu Tiếng lại tiếp tục đấu tranh. Đáng kể nhất là 3 cuộc biểu tình, đình công với hàng ngàn công nhân tham gia. Không chỉ có vậy, họ còn tổ chức kéo lên tỉnh Thủ Dầu Một gặp thanh tra lao động đòi giải quyết tiền lương (ngày 15/12/1932), đòi thực hiện những yêu sách mà bọn chủ đã hứa giải quyết trước đó (tháng 3/1933). Hưởng ứng các phong trào đấu tranh đó, vào tháng 5/1935, công nhân đồn điền cao su ở Lộc Tấn đã tham gia vào đội quân gần 1.000 người của Lộc Ninh, Đa-kia cũng nổi dậy đòi quyền dân sinh, dân chủ.

Cũng vào tháng 5/1935, giữa lúc đời sống của công nhân vốn điều đứng thì tên chủ công ty cao su miền Đông tuyên bố hạ lương công nhân trong khi thời gian làm việc vẫn không đổi. Phẫn uất trước việc bị bọn chủ xâm phạm đến quyền lợi của mình, công nhân làng 5 (Lộc Tấn) đã cùng với công nhân ở Lộc Ninh tiến hành đấu tranh bằng hình thức bãi công, đòi không được cắt giảm tiền lương của công nhân. Chẳng những yêu cầu của anh em công nhân không được đáp ứng mà chủ đồn điền còn cho lính đến đàn áp, bắt giam 15 người. Anh em công nhân kéo đến vây chặt nhà tên chủ sở, đòi thả những người bị bắt. Chủ sở vẫn không nhân nhượng,

điều thêm lính đến nổ súng vào đoàn người biểu tình, làm cho 1 người chết, nhiều người bị thương và chúng tiếp tục bắt đi 25 người nữa. Cuộc đấu tranh trở nên căng thẳng. Không chịu khuất phục, anh em công nhân phân chia nhau một số bảo vệ những người bị thương; số còn lại xông lên chiến đấu với kẻ thù. Cuối cùng, trước khí thế hùng hực lửa của công nhân, chủ đồn điền phải thả những người bị bắt, điều bọn lính đi nơi khác và chấp nhận yêu sách của anh em công nhân.

Phối hợp với cuộc đấu tranh trên, các công nhân đã hết hạn giao kèo cũng nổi dậy phát đơn đòi được trở về quê, không chịu tái đăng. Mặc dù đã dụ dỗ các công nhân này bằng nhiều cách để họ đồng ý ở lại, nhưng trước sự kiên quyết của công nhân, chủ sở phải cho 43 người trở về quê.

Để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng trong tỉnh, đầu năm 1936, Tỉnh ủy lâm thời Thủ Dầu Một được thành lập. Năm 1936 cũng là năm Mặt trận Bình dân giành được thắng lợi lớn trong cuộc tổng tuyển cử ở Pháp và hứa sẽ thi hành ở các nước thuộc địa một số quyền lợi cho quần chúng lao động, trong đó có sắc lệnh “ân xá chính trị phạm”.

Giữa năm 1936, với sự vận động của Đảng Cộng sản Pháp, chính phủ Mặt trận Bình dân cử Godart với danh nghĩa là một thanh tra lao động sang điều tra tình hình Đông Dương.

Theo chủ trương mới của Đảng Cộng sản Đông Dương, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các chi bộ và các hội quần

chúng tranh thủ tận dụng mọi hình thức đấu tranh hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai để đòi các quyền dân sinh dân chủ, chống chế độ phản động thuộc địa và tay sai. Nhân dịp này, một phong trào đấu tranh mạnh mẽ đã được phát động trong các đồn điền.

Cuối năm 1936, trong số 1.000 cán bộ đảng viên tù chính trị Côn Đảo được “ân xá” trở về đất liền, một số người được bổ sung vào đội ngũ cốt cán ở các tỉnh Nam Bộ, trong đó có tỉnh Thủ Dầu Một. Nhân dịp này, một số tù nhân thuộc Lộc Tấn bị giam ở các nhà tù khác cũng được thả về.

Vào giữa tháng 1/1937, Godart đến Dầu Tiếng và được đón tiếp bằng cuộc mít tinh của trên 500 công nhân hô vang các khẩu hiệu “Tự do - dân chủ”, “Tự do công hội”, “Thi hành luật lao động”; đồng thời đưa kiến nghị đòi quyền lợi thiết thực về ăn, ở, chữa bệnh, đòi tự do lập nghiệp đoàn.

Cùng với Dầu Tiếng, ở đồn điền cao su Lộc Tấn cũng như các đồn điền cao su khác đã diễn ra những sự kiện tương tự. Tuy không giành được thắng lợi tức thì, nhưng những cuộc mít tinh này là những cuộc biểu dương lực lượng và ý chí của công nhân cao su trong cuộc đấu tranh chung của cả nước, đòi các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống và tố cáo chế độ thuộc địa phản động của thực dân Pháp.

Cũng trong năm 1937, các Hội ái hữu được thành lập ở Lộc Ninh, Quán Lợi, Thuận Lợi, Phước Hòa, Dầu Tiếng và có những hoạt động rầm rộ.

Tháng 1/1937, Ban chấp hành tỉnh ủy Thủ Dầu Một đứng đầu là đồng chí Hồ Văn Công được cấp trên công nhận là Đảng bộ chính thức⁽¹⁾. Cũng trong năm này, đồng chí Lê Văn Khương được cử về lãnh đạo phong trào Lộc Ninh, Đa-kia. Nhờ có sự chỉ đạo kịp thời, sâu sát đó nên từ đây các hoạt động tuyên truyền thêm sâu rộng trong quần chúng nhân dân (kể cả vùng dân tộc ít người) và phong trào đấu tranh của công nhân địa phương phát triển mạnh mẽ hơn.

Sang năm 1938, Hội ái hữu tập trung tổ chức đòi nhà cầm quyền Pháp cho thành lập nghiệp đoàn và phát động các cuộc đình công làm áp lực.

Ngày 21/12/1938, Hội ái hữu đã tổ chức hơn 300 công nhân Làng 4, 5 (Lộc Tấn), làng 9, 10 đấu tranh đưa yêu sách cho tên chủ công ty Xét Xô là Đờ La-lăng với nội dung:

Tăng lương cho công nhân.

Thi hành ngày làm việc 8 giờ.

Giảm phần cạo lột từ 400 cây xuống 350 cây/ngày.

Công nhân bị bệnh phải có thuốc uống.

Công nhân được tổ chức thành đội ngũ từng đoàn đi diễu hành từ trong các làng đến văn phòng sở, vừa đi vừa hô to khẩu hiệu: “Hoan hô Mặt trận Bình dân Pháp giành được thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử”.

Được tin, tên chủ công ty pháp Đờ La-lăng bề ngoài tỏ vẻ mềm mỏng hơn, nhưng thật ra hấn đầy mưu chước.

(1) *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sông Bé*, 1995, tr. 112.

Một mặt hấn cố tỏ ra bình tĩnh để che giấu sự lo lắng, mặt khác hấn cho tay sai điều lính gác sở và lũ tay sai người dân tộc của tên tổng Mé về đàn áp. Chúng bố trí quân lính trong khu vực văn phòng sở trước lúc công nhân đến. Đến khoảng 9 giờ sáng, quân lính từ hai hướng cùng quy tụ về điểm văn phòng công ty Xét Xô.

Sau khi ổn định đội ngũ, đoàn biểu tình giơ cao tám vài màu xanh có dòng chữ nội dung 4 điểm trong bản yêu sách. Hai đại biểu công nhân đã bước thẳng vào văn phòng để đưa yêu sách. Bên ngoài, các công nhân vẫn liên tục hô to khẩu hiệu “Hoan hô Mặt trận Bình dân Pháp giành được thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử” và giương cao khẩu hiệu của mình. Khoảng 15 phút sau, tình hình vẫn không có động tĩnh gì. Liền lúc đó, một toán lính từ phía sau văn phòng chạy ào đến chỗ đoàn người biểu tình, tay bám chặt súng, miệng hò hét, xô đẩy công nhân và yêu cầu phải giải tán.

Tiếp đó, ban tổ chức lại cử thêm một công nhân nữa vào văn phòng. Hơn một tiếng đồng hồ trôi qua, bọn lính vẫn không giải tán được đoàn người. Công nhân xông xao, đòi kéo tất cả vào văn phòng. Những toán lính vòng ngoài được điều cấp tốc vào phía công nhân để cản lại. Không khí trở nên ngột ngạt, căng thẳng. Cảnh xô xát đã xảy ra giữa công nhân với mấy tên lính. Thấy tình hình không ổn, bọn chủ đành chấp nhận một số yêu sách.

Bãi công đạt được kết quả. Đoàn người hăm hở trở về, diễu hành qua mấy ngã đường và hô vang những khẩu hiệu đòi quyền dân sinh dân chủ.

Tháng 4/1939, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một họp hội nghị mở rộng, quyết định nhiều vấn đề về phương pháp đấu tranh. Việc tăng cường công tác công vận ở các đồn điền cao su phía Bắc của tỉnh, trong đó có đồn điền cao su Lộc Ninh đã được hội nghị nhấn mạnh. Sau hội nghị này, đồng chí Nguyễn Văn Tiết và Văn Công Khai được phân công đảm trách công vận và các đồng chí này đã xây dựng được một số cơ sở quần chúng nòng cốt ở các đồn điền. Phong trào đấu tranh tuy không có những trận lớn như trước nhưng vẫn được duy trì dưới hình thức “làm reo”.

Ngày 1/9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Nước Pháp bị lôi cuốn vào vòng chiến. Bọn phản động Pháp liền cho thi hành một loạt các biện pháp ngăn chặn cách mạng ở Pháp và ở thuộc địa; để ngăn chặn bước tiến của phong trào cách mạng, thực dân Pháp đã tiến hành khủng bố ác liệt khắp nơi. Lấy cớ là đang có chiến tranh, ngày 28/9/1939, Pháp ra sắc lệnh giải tán các Hội ái hữu; đồng thời tiến hành vây bắt hàng chục ngàn công nhân lao động nước ta, trong đó có nhiều công nhân cao su để đưa sang Pháp làm lính thợ, lính chiến đấu. Việc bắt lính tràn lan đã gây nên bầu không khí hết sức căng thẳng ở cả thành thị và nông thôn.

Từ đây, cuộc cách mạng của nhân dân Lộc Tấn bước sang một giai đoạn mới, giai đoạn chịu nhiều gian khổ của ách “một cổ hai tròng”, vẫn anh dũng đấu tranh, xây dựng lực lượng chuẩn bị tiến tới Tổng khởi nghĩa cướp chính quyền, góp phần mang lại độc lập về cho đất nước.

III. TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN THÁNG 8/1945

Chiến tranh thế giới lần thứ II nổ ra, Nhật nhảy vào Đông Dương cùng với thực dân Pháp đàn áp dân thuộc địa. Mâu thuẫn dân tộc ở Đông Dương trở nên gay gắt hơn bao giờ hết. Những cuộc khởi nghĩa của nhân dân Bắc Sơn, Nam Kỳ liên tiếp nổ ra. Đó là phát súng báo hiệu thời kỳ mới cho cách mạng đã bắt đầu. Đảng Cộng Sản Đông Dương đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, đặt nhiệm vụ giành độc lập dân tộc lên hàng đầu.

Sau khởi nghĩa Nam Kỳ, cách mạng ở Nam Bộ nói chung gặp rất nhiều khó khăn. Chi bộ Dầu Tiếng bị vỡ, hai đồng chí Văn Công Khai và Nguyễn Văn Tiết phải chuyển vùng hoạt động. Có đến ba phần tư số cán bộ, đảng viên trong tỉnh Thủ Dầu Một đã bị địch giết hại, bắt bớ hoặc tù đày, trong số đó có cả đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Hồ Văn Công.

Với ý chí quyết tâm gây dựng lại phong trào, những Đảng viên và cán bộ còn lại đã bám trụ hoạt động. Theo chỉ đạo của trên, Lộc Tấn - Lộc Ninh được tăng cường bổ sung thêm một số cán bộ Đảng viên. Đồng chí Lê Đức Anh được phân công hoạt động ở khu vực chợ Lộc Ninh, đồng chí Hoàng Như Khương từ miền Trung vào hoạt động chế biến mủ đồn điền Quản Lợi. Ở Phước Hòa có đồng chí Huỳnh Văn Một (Thành ủy Sài Gòn - Gia Định) hoạt động tại khu vực chợ và vùng Bàu Cỏ⁽¹⁾.

(1) Đỗ Ngọc Nam: *Tìm hiểu phong trào đấu tranh của công nhân cao su Sông Bé (1930-1975)*, Tiểu luận cao học lịch sử, Viện Khoa học xã hội TP. Hồ Chí Minh, 1991, tr. 18.

Cũng vào thời điểm cuối năm 1940, khắp các đồn điền lớn nhỏ ở Thủ Dầu Một đều có bọn lính Nhật kéo về đóng quân, lập kho, dựng bót, làm công sự. Dưới thời của phát xít Nhật, vấn đề tiền lương cũng có sự thay đổi ít nhiều: lương của công nhân 2 đồng/ngày, còn lương của cai 3 đồng/ngày.

Vào cuối năm 1942, hơn 100 công nhân cạo mủ cao su làng 4, 9, 10 bãi công, biểu tình thị uy, đòi trả lương đúng hạn, đòi giảm giờ làm, ngày làm việc 8 tiếng, không được cúp lương công nhân... Chủ đồn điền Pháp nổ súng đàn áp khiến 10 người chết và bị thương, một số người khác bị chúng bắt đi.

Trước tình hình đó, nhiệm vụ tái lập hệ thống cơ sở Đảng để duy trì và lãnh đạo phong trào công nhân trở nên vô cùng cấp thiết. Với hoạt động tích cực của đồng chí Văn Công Khai, đầu năm 1943, tại làng 1 đồn điền Dầu Tiếng, Tỉnh ủy lâm thời Thủ Dầu Một được thành lập gồm các đồng chí Văn Công Khai (bí thư), Nguyễn Văn Trung, Vũ Văn Hiếu, Nguyễn Văn Thy. Từ đây, phong trào công nhân cao su được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Thủ Dầu Một.

Rút kinh nghiệm từ sự thất bại của cuộc biểu tình cuối năm 1942, vào đầu năm 1943, hơn 300 người của làng 4 đồn điền Lộc Ninh kéo đến văn phòng chủ sở; đòi giảm giờ làm, không được cúp lương công nhân, tăng lương công nhân... Ta đã tổ chức được một lực lượng thanh niên khỏe có trang bị gậy, dao găm để bảo vệ đoàn biểu tình. Khẩu hiệu của đoàn biểu tình là: “Không được cúp lương, phải tăng lương”, “Phải thi hành luật

ngày làm việc 8 giờ". Đại biểu của công nhân đưa bản đề nghị cho chủ đồn điền, nhưng chủ sở đã bỏ trốn. Bọn lính xông vào đánh công nhân, xô xát bắt đầu xảy ra. Khi một công nhân bị đánh bị thương, ngay lập tức, anh em trung đội bảo vệ xông lên vây đánh tên chỉ huy.

Không dừng lại đó, cuộc biểu tình đã trở thành cuộc đấu tranh đẫm máu. Việc hai công nhân bị bắn chết và nhiều người khác bị thương đã khiến cho anh em tự vệ không sợ sệt lao vào giật súng của bọn lính. Một số công nhân tổ chức đưa những người hy sinh và bị thương về làng, số còn lại tiếp tục đấu tranh, kéo tới bao vây nha tên Đờ-la-lăng. Trước tình thế cách mạng, chủ công ty Xet Xô buộc phải tiếp đón đại diện của công nhân, chấp nhận giải quyết các yêu sách của công nhân, đồng thời cho thay số lính ác ôn vừa đàn áp công nhân đi nơi khác.

Cuộc biểu tình trên đã gây được tiếng vang lớn, làm chấn động phong trào công nhân toàn khu vực đồn điền Lộc Ninh, Đa-kia.

Năm 1943, đồng chí Lê Đức Anh cùng một vài đảng viên ở Lộc Ninh đã bí mật phổ biến, tuyên truyền điều lệ của Việt Minh, thành lập nhóm trung kiên gồm: ông Méc, ông Ký Thịnh, ông Khiêm, ông Ba Đền, ông Cai Loại, ông Hai Định... làm nòng cốt để vận động phong trào⁽¹⁾.

Tháng 2/1944, theo chỉ đạo của Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, một chi bộ Đảng Cộng sản được thành lập ở Lộc

(1) Dẫn theo Đinh Thu Xuân: *Sơ thảo lịch sử xã Lộc Tấn*, 1985.

Ninh gồm 3 đồng chí, trong đó đồng chí Lê Đức Anh làm bí thư kiêm phụ trách vấn đề dân tộc thiểu số. Nhiệm vụ trước mắt của chi bộ là gây dựng phát triển lực lượng, đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền cách mạng trong nhân dân và công nhân ở đây, chuẩn bị đón thời cơ để phát động mọi người vùng lên khởi nghĩa.

Đến đầu năm 1945, sở cao su Lộc Ninh đã có một số Hội cứu quốc. Các Hội viên ra sức vận động mọi người cùng tham gia phát triển Hội và đấu tranh chống Pháp, Nhật.

Trước khi bị Nhật đảo chính vài hôm, Pháp đã điều thêm quân lên đóng ở Tà Bái, sóc Xim, sóc Phố Lố, làng 6 ở xã Lộc Ninh. Chúng phá hết các cột mốc cây số dọc trục lộ 13 từ Chơn Thành lên Snoul và bắt công nhân đào công sự ở những nơi trọng yếu.

Mặc dù thế, khi Nhật tiến hành đảo chính Pháp vào đêm ngày 9/3/1945, quân Pháp ở Đông Dương chống đỡ một cách yếu ớt. Tại “Thành sẵn đá” (trại lính) diễn ra trận giao tranh giữa 200 lính tập của Pháp với quân Nhật. Kết quả cuối cùng là tên quan tư của Pháp tự sát, bốn lính Pháp nhanh chóng đầu hàng, tan rã. Quân Pháp ở Hớn Quản chạy lên Lộc Ninh rồi cùng chạy trốn về đường số 13, ngược qua bên kia biên giới. Nhiều tên tư sản, ác ôn Pháp ở tỉnh Thủ Dầu Một bị Nhật bắt được là: Đờ La-lăng (chủ chánh công ty Xét Xô), tên Lơ-gơ, tên Mi-li, tên Hai Đen...⁽¹⁾

(1) Dẫn theo Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Bình Phước – BCH Đảng bộ huyện Lộc Ninh: *Lộc Ninh lịch sử và truyền thống (1930 - 2000)*, NXB TP. Hồ Chí Minh, 2001, tr. 43-44.